BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML605 - 3 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 101/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M0121001	Lê Thị Chính	X	02/02/1980	Vĩnh Long		
2	M0121002	Nguyễn Văn Cường		31/01/1998	Sóc Trăng		
3	M0121003	Lê Bá Duy		12/01/1999	Cần Thơ		
4	M0121004	Trương Thị Cẩm Hường	X	10/03/1983	Vĩnh Long		
5	M0121005	Dương Cúc Mi	X	08/05/1991	Sóc Trăng		
6	M0121006	Trần Thị Nga	X	12/10/1981	Cần Thơ		
7	M0121007	Lương Tuấn Thanh		17/02/1994	Đồng Tháp		
8	M0121008	Ngô Vương Ngọc Bảo Trân	X	20/09/1985	Sóc Trăng		
9	M0121009	Lê Thùy Ngọc Trúc	X	20/01/1997	An Giang		
10	M0121010	Dương Đình Tuyễn		13/08/1997	Cần Thơ		
11	M0121011	Trần In Đô		13/08/1998	Kiên Giang		
12	M0121012	Trần Hiếu Hiền		21/10/1999	Vĩnh Long		
13	M0121013	Chung Trương Quốc Khang		19/12/1998	Trà Vinh		
14	M0121014	Nguyễn Vũ Khoa		19/02/1999	Kiên Giang		
15	M0121015	Trần Nguyễn Phương Lam	X	28/06/1999	Cần Thơ		
16	M0121016	Huỳnh Lê Khánh Linh	X	07/03/1999	Sóc Trăng		
17	M0121017	Nguyễn Thiên Minh		26/06/1999	Hậu Giang		
18	M0121018	Trần Trọng Khôi Nguyên		10/10/1999	Cần Thơ		
19	M0121019	Kiều Phước Nguyễn		04/07/1999	Cần Thơ		
20	M0121020	Vũ Thị Xuân Nhường	X	28/06/1999	Kiên Giang		
21	M0121021	Trần Trường Tánh		16/08/1999	Cần Thơ		
22	M0121022	Thái Ngọc Thành	X	25/07/1994	Tiền Giang		
23	M0121023	Đặng Quốc Thiện		17/07/1999	Cần Thơ		
24	M0221001	Lâm Thị Hon	X	18/10/1999	Sóc Trăng		
25	M0221002	Nguyễn Minh Thư	X	20/06/1999	Bến Tre		
26	M0221003	Lý Mạnh Thường		19/01/1999	Cần Thơ		
27	M0221004	Mai Hoàn Tư		16/09/1998	Cần Thơ		
28	M0320010	Lê Minh Chánh		26/11/1997	An Giang		
29	M0321001	Đặng Chí Công		14/01/1996	Cần Thơ		
30	M0321002	Nguyễn Văn Hồ		02/01/1998	An Giang		
31	M0321003	Lâm Nhật Kỳ		20/09/1998	Trà Vinh		
32	M0321004	Đinh Thị Ngọc Liên	X	24/06/1997	Vĩnh Long		
33	M0321005	Lê Ngọc Lợi		01/04/1989	Bến Tre		
34	M0321006	Đoàn Thị Thanh Ngân	X	08/12/1997	An Giang		
35	M0321007	Trần Lê Phú		15/02/1997	Cà Mau		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML605 - 3 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 102/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M0321008	Nguyễn Quốc Thái		10/12/1992	Vĩnh Long		
2	M0321009	Nguyễn Phúc Bảo Trân	X	07/08/1996	Tiền Giang		
3	M0321010	Nguyễn Hoàng Phúc		07/10/1996	Cà Mau		
4	M0321011	Đinh Ngọc Sơn		16/03/1994	Đồng Tháp		
5	M0321012	Nguyễn Minh Tú	X	22/09/1999	Cần Thơ		
6	M0421001	Nguyễn Phước Anh		21/01/1994	Cần Thơ		
7	M0421002	Võ Thị Hạnh	X	10/03/1987	Vĩnh Long		
8	M0421003	Lê Minh Tâm		05/09/1986	Vĩnh Long		
9	M0421004	Phạm Vĩnh Trinh	X	00/00/1986	Sóc Trăng		
10	M0421005	Trần Tú Trinh	X	15/03/1998	Cà Mau		
11	M0421006	Lữ Minh Vũ		03/04/1989	An Giang		
12	M0421007	Hồ Thị Phi Yến	X	19/04/1989	Bến Tre		
13	M0421008	Phan Thị Yến Nhi	X	27/08/1998	An Giang		
14	M0421009	Trần Xuân Phát		13/01/1996	Cần Thơ		
15	M0421010	Nguyễn Thanh Triều		12/02/1984	Vĩnh Long		
16	M0421011	Cao Hoàng Ngọc Trọng		26/12/1995	An Giang		
17	M0521002	Nguyễn Lâm Khánh Duy		01/10/1998	Cần Thơ		
18	M0521003	Huỳnh Việt Hằng	X	08/03/1998	Cần Thơ		
19	M0521004	Nguyễn Kim Hoàn	X	23/08/1996	Bạc Liêu		
20	M0521005	Nguyễn Thị Kim Loan	X	29/01/1986	An Giang		
21	M0521006	Dương Hữu Nghĩa		20/10/1994	An Giang		
22	M0521007	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	X	09/05/1997	Cần Thơ		
23	M0521008	Nguyễn Thanh Phương		07/05/1994	Hậu Giang		
24	M0521009	Nguyễn Anh Quyền		09/12/1997	Bạc Liêu		
25	M0521010	Nguyễn Tấn		25/12/1989	Cần Thơ		
26	M0521011	Phan Thị Mộng Tuyền	X	19/06/1990	Hậu Giang		
27	M0521012	Bùi Thị Thu Xuân	X	28/01/1978	An Giang		
28	M0521013	Nguyễn Thị Như Ý	X	12/08/1997	Đồng Tháp		
29	M0521014	Nguyễn Thị Loan Anh	X	18/07/1999	Kiên Giang		
30	M0521015	Nguyễn Khánh Duy		16/04/1999	Cà Mau		
31	M0521016	Trần Hữu Hậu		18/04/1999	Vĩnh Long		
32	M0521017	Lê Hiếu Huy		27/01/1999	Cà Mau		
33	M0521018	Nguyễn Mạnh Khương	X	20/12/1999	Cà Mau		
34	M0521019	Trần Thị Liễu	X	29/12/1998	An Giang		
35	M0521020	Dương Thế Long		27/09/1999	Bạc Liêu		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML605 - 3 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 104/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M0521021	Trương Vũ Luân		01/10/1999	Hậu Giang		
2	M0521022	Võ Ngọc Nguyên	X	09/07/1999	Vĩnh Long		
3	M0521023	Huỳnh Hồng Phiến	X	05/09/1998	Cà Mau		
4	M0521024	Phạm Công Phú		19/05/1998	Cần Thơ		
5	M0521025	Nguyễn Văn Qui		15/08/1999	Bạc Liêu		
6	M0521026	Nguyễn Hữu Đức Tôn		13/07/1999	Cần Thơ		
7	M0521027	Phạm Anh Tuấn		05/11/1995	Cà Mau		
8	M0521028	Châu Tú Uyên	X	18/09/1998	Bạc Liêu		
9	M0620020	Phan Thị Hoài Nhi	X	24/10/1996	Đăk lăk		
10	M0621001	Dương Thùy Đoan	X	03/10/1999	Cà Mau		
11	M0621002	Lê Kim Trọng Đức		19/02/1998	Cần Thơ		
12	M0621003	Huỳnh Tấn Dương		14/08/1998	Bến Tre		
13	M0621004	Trần Anh Khoa		24/12/1997	Vĩnh Long		
14	M0621006	Trương Thành Nhân		01/01/1980	Cà Mau		
15	M0621007	Lê Văn Phường		24/07/1998	Kiên Giang		
16	M0621008	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	X	16/12/1992	Bạc Liêu		
17	M0621009	Nguyễn Diệu Ái	X	17/01/1999	Cà Mau		
18	M0621010	Trần Thu Hà	X	28/07/1999	Sóc Trăng		
19	M0621011	Nguyễn Kim Hưng		15/05/1999	An Giang		
20	M0621012	Từ Bạch Long		10/01/1999	Bạc Liêu		
21	M0621013	Lê Minh Tài		20/04/1999	Đồng Tháp		
22	M0621014	Phan Nguyễn Thuỳ Trang	X	20/05/1998	Đồng Tháp		
23	M0721001	Nguyễn Hà Công Lý		19/10/1997	Cần Thơ		
24	M0721002	Lưu Minh Nhựt		09/09/1997	Kiên Giang		
25	M0721003	Lý Thị Tiểu Trân	X	04/06/1993	Cà Mau		
26	M0721004	Hà Nguyễn Huỳnh Anh	X	13/09/1999	Vĩnh Long		
27	M0721005	Nguyễn Thái Anh		23/09/1999	Vĩnh Long		
28	M0721006	Trần Thị Kim Anh	X	30/06/1999	Cần Thơ		
29	M0721007	Mạc Lê Chí Đạo		05/08/1999	Cà Mau		
30	M0721008	Huỳnh Thanh Du		10/08/1999	Cần Thơ		
31	M0721009	Nguyễn Mai Nhật Dương		16/05/1985	Thanh Hóa		
32	M0721010	Trần Văn Duy		20/04/1999	Trà Vinh		
33	M0721011	Nguyễn Tuấn Lành		07/07/1999	Cần Thơ		
34	M0721012	Phạm Trần Anh Thư	X	29/07/1999	Cần Thơ		
35	M0721013	Danh Anh Võ		24/07/1991	Kiên Giang		
36	M0821001	Nguyễn Trần Mỹ An	X	10/07/1994	Cần Thơ		
37	M0821002	Nguyễn Ngân Giang		03/09/1988	Sóc Trăng		
38	M0821003	Cao Nhựt Hào		22/04/1998	An Giang		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M0821004	Nguyễn Thị Ngọc Mai	X	13/11/1996	Vĩnh Long		
40	M0821005	Nguyễn Thanh Kiều Ngân	X	23/10/1995	Cần Thơ		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML605 - 3 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 104A/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M0821006	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	X	19/11/1990	Vĩnh Long		
2	M0821007	Huỳnh Thị Tuyết Phương	X	03/06/1986	Bến Tre		
3	M0821008	Nguyễn Nhựt Quang		17/02/1998	Cần Thơ		
4	M0821009	Ngô Thị Phương Anh	X	03/02/1997	Bến Tre		
5	M0821010	Lê Võ Hoàng Duy		12/07/1997	Cần Thơ		
6	M0821011	Vũ Hoàng Huy		18/07/1999	Cần Thơ		
7	M0821012	Võ Thị Ngọc Huyền	X	29/06/1999	Đồng Tháp		
8	M0821013	Nguyễn Hoàng Lam		11/09/1999	Cà Mau		
9	M0821014	Lê Hữu Nghĩa		28/09/1998	Trà Vinh		
10	M0821015	Nguyễn Văn Phim		26/06/1999	Cà Mau		
11	M0920004	Ca Thị Thúy Liễu	X	08/04/1986	Bến Tre		
12	M0921001	Chống Kim Thiên Đức		28/01/1998	Đồng Nai		
13	M0921002	Phan Thị Linh	X	21/07/1995	Bến Tre		
14	M0921003	Đặng Thị Minh Tâm	X	22/10/1989	Bến Tre		
15	M0921004	Phan Văn Thăng		26/08/1989	Hậu Giang		
16	M0921005	Dương Thị Minh Thơ	X	20/12/1984	Bạc Liêu		
17	M0921006	Mã Hữu Đạt		17/05/1997	Kiên Giang		
18	M0921007	Hồng Vinh Quang		29/12/1999	Trà Vinh		
19	M1021001	Phùng Ngọc Yến Phương	X	23/09/1998	Sóc Trăng		
20	M1021002	Phạm Phú Quí		18/06/1988	Đồng Tháp		
21	M1021003	Phan Huỳnh Giang San		14/09/1997	An Giang		
22	M1021004	Phạm Thanh Sang		04/09/1979	Trà Vinh		
23	M1021005	Trương Quốc Việt		31/03/1999	Cần Thơ		
24	M1021006	Trần Phúc Vinh		26/06/1993	Cần Thơ		
25	M1021007	Lê Hữu Đức		16/03/1987	Đồng Tháp		
26	M1021008	Nguyễn Đăng Huấn		08/06/1999	Hậu Giang		
27	M1021009	Cao Thị Tuyết Mai	X	20/04/1997	An Giang		
28	M1021010	Huỳnh Thị Thu Mơ	X	01/01/1997	An Giang		
29	M1021011	Phạm Thanh Nam		13/09/1997	Bạc Liêu		
30	M1021012	Lăng Trần Hồng Ngọc	X	24/04/1999	Cần Thơ		
31	M1021013	Phạm Thị Hồng Nhung	X	26/07/1997	Đồng tháp		
32	M1021014	Đinh Hoàng Phúc		02/03/1995	Đồng Tháp		
33	M1021015	Lâm Chí Tâm		15/01/1990	Đồng Tháp		
34	M1021016	Triệu Xuân Thương		12/08/1990	Sóc Trăng		
35	M1021017	Hồ Xuân Uyển	X	10/02/1998	Vĩnh Long		
36	M1021018	Nguyễn Tấn Văn		02/09/1999	An Giang		
37	M1121001	Nguyễn Thị ánh Tuyết	X	12/03/1998	Cần Thơ		
38	M1121002	Lê Công Huy		02/01/1999	Tiền Giang		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M1121003	Đoàn Hùng Minh		22/09/1999	An Giang		
40	M1121004	Lê Bảo Phúc		03/12/1999	Cần Thơ		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML605 - 3 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 105/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M1121005	Nguyễn Thị Xuân Phương	X	01/03/1999	Bến Tre		
2	M1121006	Võ Thị Phương Thảo	X	26/07/1999	Sóc Trăng		
3	M1221001	Phạm Vũ Em		15/06/1990	Cần Thơ		
4	M1221002	Lâm Thị Thu Hương	X	12/06/1989	Sóc Trăng		
5	M1221003	Chau Rốt Thia Ny		24/04/1995	An Giang		
6	M1221004	Bạch Việt Phúc		10/04/1983	Cần Thơ		
7	M1221005	Diệp Quỳnh Uyên	X	29/01/1996	Cần Thơ		
8	M1221006	Trần Nhựt Khoa		09/02/1998	Tiền Giang		
9	M1221007	Võ Như Nguyện		28/01/1999	Cần Thơ		
10	M1221008	Trần Văn Thuận		22/05/1975	Bến Tre		
11	M1221009	Võ Duyên Thảo Vy	X	22/03/1999	Cần Thơ		
12	M1821001	Lê Thị Thúy An	X	12/10/1998	Cần Thơ		
13	M1821002	Võ Nguyễn Trúc Ly	X	12/04/1999	Cần Thơ		
14	M1821003	Trần Thị Hồng Sương	X	12/12/1997	Long An		
15	M1821004	Hoàng Thị Minh Thư	X	04/08/1997	Kiên Giang		
16	M1821005	Phan Nguyễn Nhật Trang	X	22/09/1986	Tiền Giang		
17	M1821006	Bùi Thị Thùy Trang	X	18/09/1989	Cần Thơ		
18	M1821007	Nguyễn Chí Hiếu		29/10/1999	Cà Mau		
19	M1821008	Huỳnh Văn Nhạng		01/01/1990	Cà Mau		
20	M1821009	Nguyễn Thị Minh Thư	X	03/03/1999	Vĩnh Long		
21	M1821010	Võ Thị Cẩm Tiên	X	15/01/1998	Sóc Trăng		
22	M2020016	Lai Hữu Hiếu		08/11/1998	Đồng Tháp		
23	M2020017	Đặng Thị Ngọc Linh	X	05/06/1995	Vĩnh Long		
24	M2021001	Cao Thanh Huyền	X	28/04/1994	Cần Thơ		
25	M2021002	Võ Hoàng Huynh		16/09/1996	Sóc Trăng		
26	M2021003	Nguyễn Thị Kiều Loan	X	15/01/1986	Cần Thơ		
27	M2021004	Trần Huỳnh Hoàng Lộc		24/04/1996	Cần Thơ		
28	M2021005	Võ Hoàng Lương		20/10/1996	Hậu Giang		
29	M2021006	Trần Xuân Mai	X	17/04/1998	Cần Thơ		
30	M2021007	Trương Ngọc Mến	X	10/03/1990	Đồng Tháp		
31	M2021008	Ngô Phương Thảo	X	02/03/1997	Vĩnh Long		
32	M2021009	Đào Thị Vàng	X	25/08/1988	Hậu Giang		
33	M2021010	Nguyễn Thị Như Ý	X	22/03/1988	Hậu Giang		
34	M2021011	Cao Thị Thu Hà	X	24/05/1997	Cà Mau		
35	M2021012	Đặng Thị Xuân Hoa	X	18/07/1994	Cần Thơ		
36	M2021013	Đoàn Thị Tường Linh	X	26/02/1982	Vĩnh Long		
37	M2021014	Nguyễn Thanh Hoài Nhân		21/03/1992	Tiền Giang		
38	M2021015	Võ Thị Tú Nhi	X	29/10/1992	Tiền Giang		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M2021016	Nguyễn Thanh Nhuận		01/04/1998	Vĩnh Long		
40	M2221001	Huỳnh Thành Công		01/11/1983	Cà Mau		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2: .....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML605 - 3 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 106/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M2221002	Viên Phúc Đạt		11/09/1997	Cần Thơ		
2	M2221003	Phan Văn Đông		09/09/1997	Sóc Trăng		
3	M2221004	Nguyễn Ngọc Hân	X	20/09/1996	Tiền Giang		
4	M2221005	Nguyễn Duy Khánh		07/04/1998	Tiền Giang		
5	M2221006	Võ Ngọc Lễ		29/08/1998	Cần Thơ		
6	M2221007	Nguyễn Tống Ngọc Nhung	X	14/01/1997	Kiên Giang		
7	M2221008	Lê Thanh Phúc		20/06/1986	Hậu Giang		
8	M2221009	Lý Kim Phượng	X	28/12/1999	Cà Mau		
9	M2221010	Trần Thanh Thúy	X	21/01/1982	Bạc Liêu		
10	M2221011	Nguyễn Thành Trung		01/10/1984	Hậu Giang		
11	M2221012	Trần Hoàng Ái		16/07/1994	Bạc Liêu		
12	M2221013	Trần Thị Như Hà	X	20/12/1992	Đồng Tháp		
13	M2221014	Lâm Thị Thu Hằng	X	16/06/1988	Sóc Trăng		
14	M2221015	Nguyễn Thị Ngọc Hương	X	15/12/1996	Đồng Tháp		
15	M2221016	Lê Thị Thùy Linh	X	11/12/1997	Cần Thơ		
16	M2521001	Bào Thị Bẩy	X	15/12/1987	Cà Mau		
17	M2521002	Trần Hoàng Lệ Chi	X	14/08/1998	Cần Thơ		
18	M2521003	Nguyễn Thị Kim Chi	X	24/04/1986	Vĩnh Long		
19	M2521004	Phạm Thị Diễm	X	23/10/1986	Cà Mau		
20	M2521005	Bùi Nguyễn Quang Huy		22/02/1988	Cần Thơ		
21	M2521006	Trần Thị Mỹ Huyền	X	04/03/1995	Trà Vinh		
22	M2521008	Huỳnh Phúc Lộc		29/09/1992	TP HCM		
23	M2521009	Danh Thị Kim Ngoan	X	26/03/1989	Kiên Giang		
24	M2521010	Lê Thị Kim Nhi	X	19/05/1995	An Giang		
25	M2521011	Lưu Thành Tâm		08/10/1993	Cần Thơ		
26	M2521012	Đặng Thiên Tân		22/06/1997	Cần Thơ		
27	M2521013	Phan Nguyễn Minh Thảo	X	29/08/1998	Cần Thơ		
28	M2521014	Lê Thị Kim Thoa	X	02/11/1982	Hậu Giang		
29	M2521015	Phan Huyền Trang	X	13/09/1998	An Giang		
30	M2521016	Ung Quốc Trung		11/11/1987	Hậu Giang		
31	M2521017	Phan Thanh Nhàn		23/11/1993	Cần Thơ		
32	M2521018	Nguyễn Hoàng Duy Nhân		23/12/1977	Đồng Tháp		
33	M2521019	Nguyễn Thị Kiều Nương	X	12/12/1994	Cà Mau		
34	M2521020	Phạm Lê Tân		22/01/1996	TP HCM		
35	M2521021	Nguyễn Lê Trí Thức		12/10/1991	Sóc Trăng		
36	M2921001	Trương Khả Duy	X	22/11/1998	Vĩnh Long		
37	M2921002	Nguyễn Thị Thanh Ngân	X	11/07/1999	Cần Thơ		
38	M2921003	Đào Chí Công		26/11/1999	An Giang		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M2921004	Dương Thị Phương Đài	X	07/05/1998	Vĩnh Long		
40	M2921005	Nguyễn Quốc Khánh		26/08/1996	Cần Thơ		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML605 - 3 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 107/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M2921006	Nguyễn Văn Liêm		01/01/1984	M2921006		
2	M2921007	Nguyễn Thị Bích Lụa	X	24/09/1999	M2921007		
3	M2921008	Võ Thị Diễm My	X	28/02/1999	M2921008		
4	M2921009	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	X	19/04/1999	M2921009		
5	M2921010	Trần Huỳnh Đông Phong		20/04/1999	M2921010		
6	M2921011	Huỳnh Vĩnh Phú		07/11/1989	M2921011		
7	M2921012	Nguyễn Trần Phú		02/09/1999	M2921012		
8	M2921013	Huỳnh Thị Ngọc Thoa	X	07/07/1999	M2921013		
9	M2921014	Nguyễn Phong Trần		26/05/1995	M2921014		
10	M2921015	Lâm Thị Kiều Trinh	X	18/05/1999	M2921015		
11	M2921016	Đinh Thị Diễm Tuyết	X	24/12/1983	M2921016		
12	M2921017	Ngô Thanh Hoài		01/01/1998	M2921017		
13	M2921018	Huỳnh Tấn Lực		26/02/1988	M2921018		
14	M2921019	Nguyễn Thị Yến Nhi	X	02/11/1998	M2921019		
15	M2921020	Nguyễn Đức Thắng		03/06/1998	M2921020		
16	M2921021	Phạm Thị Hồng Thơm	X	22/10/1999	M2921021		
17	M2921022	Lê Thị Ngọc Yến	X	14/10/1999	M2921022		
18	M2921023	Phan Ngọc Trường An	X	13/01/1997	M2921023		
19	M2921024	Phan Trọng Luật		22/06/1978	M2921024		
20	M3021001	Trần Văn An		10/02/1980	M3021001		
21	M3021002	Lê Hoàng Anh		15/05/1977	M3021002		
22	M3021003	Trần Thanh Đông		30/08/1979	M3021003		
23	M3021004	Lê Hoàng Hợp		21/02/1980	M3021004		
24	M3021005	Phạm Ngọc Khỏe	X	16/02/1986	M3021005		
25	M3021006	Nguyễn Trung Kiên		13/08/1979	M3021006		
26	M3021007	Lê Hồng Ngoan		10/08/1979	M3021007		
27	M3021008	Lê Thúy Nguyên	X	27/02/1985	M3021008		
28	M3021009	Vưu Minh Nhí		20/12/1981	M3021009		
29	M3021010	Nguyễn Văn Niệm		02/01/1989	M3021010		
30	M3021011	Phạm Tiến Sĩ		01/01/1986	M3021011		
31	M3021012	Đặng Minh Sơn		24/05/1979	M3021012		
32	M3021013	Phan Bảo Tân		21/04/1979	M3021013		
33	M3021014	Nguyễn Văn Thiếu		16/09/1980	M3021014		
34	M3021015	Nguyễn Quốc Thới		21/09/1981	M3021015		
35	M3021016	Phạm Hoàng Trường		04/02/1982	M3021016		
36	M3021017	Hồ Văn Việt		17/04/1975	M3021017		
37	M3120021	Trương Trung Thám		06/12/1987	M3120021		
38	M3121001	Võ Thị Kim Bằng	X	06/09/1989	M3121001		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M3121002	Võ Hoàng Đan		25/04/1980	M3121002		
40	M3121003	Thị Cẩm Liền	X	15/01/1998	M3121003		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML605 - 3 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 108/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M3121004	Nguyễn Thị Huỳnh Như	X	22/01/1998	Cần Thơ		
2	M3121005	Võ Nguyễn Thư Sinh	X	02/09/1998	Cần Thơ		
3	M3121006	Phan Bạch Vân	X	31/07/1985	Sóc Trăng		
4	M3121007	Tống Duy Phương		15/08/1984	An Giang		
5	M3121008	Đinh Thị Thu Hồng	X	20/12/1989	An Giang		
6	M3121009	Trương Trường Khả		12/10/1999	Cần Thơ		
7	M3121010	Võ Thị Kim Ngân	X	27/04/1999	Sóc Trăng		
8	M3121011	Trần Thị Mỹ Phượng	X	28/08/1990	An Giang		
9	M3121012	Phạm Văn Trường		03/03/1999	Bến Tre		
10	M3321001	Võ Thế An		01/07/1998	Cà Mau		
11	M3321002	Lê Vũ Bằng		04/11/1997	Cà Mau		
12	M3321003	Nguyễn Văn Chinh		20/08/1999	Cà Mau		
13	M3321004	Phạm Cẩm Đang	X	18/10/1998	Bạc Liêu		
14	M3321005	Nguyễn Văn Dũng		14/12/1991	Cần Thơ		
15	M3321006	Phạm Công Hậu		02/05/1993	Long An		
16	M3321007	Nguyễn Tiến Hợp		29/08/1995	Cần Thơ		
17	M3321008	Lê Kha		25/09/1999	Cà Mau		
18	M3321010	Nguyễn Văn Linh		01/01/1995	Đồng Tháp		
19	M3321011	Nguyễn Kim Ngân	X	19/12/1999	Cần Thơ		
20	M3321012	Nguyễn Văn Phô		02/02/1990	Cà Mau		
21	M3321013	Lê Văn Phong		01/01/1979	Tiền Giang		
22	M3321014	Nguyễn Hồng Quân		19/04/1987	Cà Mau		
23	M3321015	Nguyễn Tấn Quới		12/11/1975	Tiền Giang		
24	M3321016	Đoàn Công Tài		05/06/1998	Cần Thơ		
25	M3321017	Nguyễn Thị Diệu Thanh	X	01/09/1988	Cần Thơ		
26	M3321018	Trình Thị Thanh Thương	X	24/11/1997	Cần Thơ		
27	M3321019	Phạm Kim Thương	X	13/11/1999	Sóc Trăng		
28	M3321020	Danh Thị Thùy Trâm	X	01/05/1989	Sóc Trăng		
29	M3321021	Lý Thị Vân	X	25/08/1996	Kiên Giang		
30	M3321022	Dương Thị Như Ý	X	06/02/1998	An Giang		
31	M3321023	Lê Kim Cương	X	20/04/1997	Cần Thơ		
32	M3321024	Nguyễn Minh Nghĩa		22/05/1999	Đồng Tháp		
33	M3321025	Nguyễn Hữu Phước		09/02/1999	Cần Thơ		
34	M3321026	Huỳnh Trung Tính		15/01/1999	An Giang		
35	M3321027	Lê Văn Trí		23/10/1999	Bến Tre		
36	M3521001	Lê Nguyễn Hồng Ân		05/07/1989	Trà Vinh		
37	M3521002	Phan Văn Chung		21/05/1988	Bến Tre		
38	M3521003	Nguyễn Đức Cường		11/02/1997	Hà Nam		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M3521004	Lê Hoàng Đấu		01/01/1988	Trà Vinh		
40	M3521005	Lê Thành Đông		16/01/1995	Thanh Hóa		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML605 - 3 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 109/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M3521006	Huỳnh Dủ Liêm		18/12/1982	Hậu Giang		
2	M3521007	Lê Thành Long		19/12/1988	An Giang		
3	M3521008	Lê Tấn Tài		21/11/1993	Cần Thơ		
4	M3521009	Đoàn Thanh Tân		06/03/1989	Trà Vinh		
5	M3521010	Trần Nhật Tiến		22/03/1997	Cần Thơ		
6	M3521011	Đỗ Văn Tuấn		19/09/1991	Kiên Giang		
7	M3521012	Nguyễn Quang Huy		03/02/1999	Bạc Liêu		
8	M3521013	Lâm Hùng Minh		01/06/1989	Sóc Trăng		
9	M3521014	Nguyễn Quốc Nghĩa		30/09/1993	Vĩnh Long		
10	M3521015	Trần Hữu Phát		19/05/1997	Tiền Giang		
11	M3721001	Nguyễn Văn Bình		01/01/1986	Cà Mau		
12	M3721002	Dương Trung Hiếu		13/12/1989	Hậu Giang		
13	M3721003	Nguyễn Thiện Hùng		30/04/1989	Cần Thơ		
14	M3721004	Trương Gia Huy		03/07/1997	Cần Thơ		
15	M3721005	Trần Minh Khôi		24/02/1998	Cần Thơ		
16	M3721006	Bùi Văn Khương		16/03/1996	Hưng Yên		
17	M3721007	Phạm Thành Nam		03/08/1996	Đồng Tháp		
18	M3721008	Nguyễn Hoàng Ngân		15/08/1983	Trà Vinh		
19	M3721009	Hồ Trọng Nguyễn		05/12/1998	Cần Thơ		
20	M3721010	Phạm Công Thiện		16/12/1989	Cần Thơ		
21	M3721011	Phan Mỹ Trinh	X	04/09/1998	Vĩnh Long		
22	M3721012	Nguyễn Thanh Tùng		06/06/1970	Quảng Ngãi		
23	M3721013	Huỳnh Triệu Vĩ		27/10/1997	Kiên Giang		
24	M3721014	Lê Thị Ngọc Anh	X	08/03/1990	Cần Thơ		
25	M3721015	Lâm Dương Quốc Bình		10/07/1996	Trà Vinh		
26	M3721016	Phạm Kha Nam		11/03/1996	Cần Thơ		
27	M3721017	Nguyễn Minh Tâm		30/04/1998	Vĩnh Long		
28	M3721018	Hà Quang Trình		09/04/1999	Đồng Tháp		
29	M3821001	Ngô Thành An		23/07/1996	Đồng Tháp		
30	M3821002	Trần Nhật Anh		15/09/1995	Cần Thơ		
31	M3821003	Phạm Thị Chi	X	14/04/1990	Quảng Ngãi		
32	M3821004	Trịnh Công Chức		10/06/1985	Cà Mau		
33	M3821005	Phạm Ngọc Đắc Duy		28/11/1991	Sóc Trăng		
34	M3821006	Trần Phương Huy		20/10/1994	Cà Mau		
35	M3821007	Trần Nguyễn Đăng Khoa		11/10/1996	Cà Mau		
36	M3821008	Lê Hoàng Lăm		23/04/1989	Cà Mau		
37	M3821009	Trần Thanh Lực		01/10/1995	Đắk Lắk		
38	M3821010	Lê Trọng Nghĩa		14/09/1994	Bạc Liêu		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M3821011	Lê Hoàng Nguyên		19/10/1994	Cà Mau		
40	M3821012	Lê Văn Nguyễn		14/04/1982	Cà Mau		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML605 - 3 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 110/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M3821013	Phạm Thị Nhẫn	X	24/09/1982	Thái Bình		
2	M3821014	Trương Vĩnh Phát		11/03/1998	An Giang		
3	M3821015	Danh Si Ra		28/10/1991	Kiên Giang		
4	M3821016	Trần Ngọc Thạnh		18/11/1985	Cà Mau		
5	M3821017	Trần Văn Tình		26/04/1992	Cà Mau		
6	M3821018	Phan Thị Diễm Trang	X	10/01/1998	Đồng Tháp		
7	M3821019	Đái Quốc Triều		01/01/1978	Hậu Giang		
8	M3821020	Tô Kim Tước	X	15/05/1985	Kiên Giang		
9	M3821021	Trần Thị Thanh Tuyền	X	22/11/1982	Cà Mau		
10	M3821022	Hồ Hoài Vũ		20/03/1982	Sóc Trăng		
11	M3821023	Lê Thị Tú Yên	X	25/05/1986	Cà Mau		
12	M3821024	Nguyễn Ngọc Yến	X	24/03/1998	Trà Vinh		
13	M3821025	Trần Nguyễn Gia Bảo		05/10/1999	Hậu Giang		
14	M3821026	Nguyễn Huỳnh Hãi		07/12/1997	Long An		
15	M3821027	Đoàn Tấn Lộc		22/08/1995	Vĩnh Long		
16	M3821028	Ngô Nguyễn Trà My	X	05/10/1999	Vĩnh Long		
17	M3821029	Đỗ Thị Thuỳ Ngân	X	28/03/1999	Long An		
18	M3821030	Nguyễn Thái Hải Nhân		19/09/1996	Cần Thơ		
19	M3821031	Nguyễn Vũ Phong		19/12/1999	Sóc Trăng		
20	M4120005	Nguyễn Thị Ngọc Thi	X	07/03/1996	Tiền Giang		
21	M4220015	Nguyễn Hữu Nhân		18/10/1995	Sóc Trăng		
22	M4220018	Huỳnh Nhựt Tính		12/07/1983	Đồng Tháp		
23	M4220020	Nguyễn Toàn Trung		01/05/1989	An Giang		
24	M4221001	Lê Văn Bắc		11/09/1972	Cà Mau		
25	M4221002	Trần Việt Bắc		06/05/1996	Cà Mau		
26	M4221003	Nguyễn Đức Cường		21/11/1984	Cửu Long		
27	M4221004	Lê Nhật Duy		29/04/1998	Bạc Liêu		
28	M4221005	Nguyễn Nhất Duy		24/01/1992	Trà Vinh		
29	M4221006	Lý Thanh Hoài		15/03/1988	Hậu Giang		
30	M4221007	Nguyễn Văn Kệ		06/06/1979	Trà Vinh		
31	M4221008	Hồng Quốc Khánh		01/12/1981	Kiên Giang		
32	M4221009	Huỳnh Đăng Khoa		25/12/1983	Trà Vinh		
33	M4221010	Lê Minh Khoa		01/01/1992	Bến Tre		
34	M4221011	Huỳnh Văn Lăng		28/10/1981	Cà Mau		
35	M4221012	Phạm Đoàn Hoài Linh		30/04/1995	Vĩnh Long		
36	M4221013	Dư Duy Linh		18/03/1982	Bạc Liêu		
37	M4221014	Trần Văn Mến		16/12/1991	Cần Thơ		
38	M4221015	Huỳnh Văn Phú		30/08/1992	Bến Tre		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M4221016	Nguyễn Hồ Hoàng Phúc		30/10/1989	Trà Vinh		
40	M4221017	Nguyễn Trung Phương		02/08/1989	Minh Hải		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML605 - 3 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 111/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M4221018	Nguyễn Nhật Tân		09/06/1998	Kiên Giang		
2	M4221019	Bùi Vĩnh Tấn		02/09/1980	Cà Mau		
3	M4221020	Nguyễn Nhật Tiến		19/10/1987	Cà Mau		
4	M4221021	Phan Nguyễn Hữu Toàn		25/08/1987	Hậu Giang		
5	M4221022	Lê Phước Toàn		23/09/1984	Trà Vinh		
6	M4221023	Trương Quốc Trung		28/08/1985	Cà Mau		
7	M4221024	Đặng Minh Tuấn		25/06/1997	Cần Thơ		
8	M4221025	Võ Minh Tuấn		27/03/1980	Sóc Trăng		
9	M4221026	Phan Kim Anh	X	03/05/1998	Hậu Giang		
10	M4221027	Nguyễn Vĩ Độ		20/08/1989	Tiền Giang		
11	M4221028	Lê Đại Duy		21/08/1992	Vĩnh Long		
12	M4221029	Ninh Hoài Phương Duy		14/12/1992	Cần Thơ		
13	M4221030	Lê Minh Duyệt		21/11/1999	Bến Tre		
14	M4221031	Dương Minh Hiệp		20/08/1987	Cần Thơ		
15	M4221032	Nguyễn Văn Khang		18/08/1998	Kien Giang		
16	M4221033	Nguyễn Thị Thúy Liễu	X	19/08/1991	Cần Thơ		
17	M4221034	Lê Minh Phong		25/05/1989	Tiền Giang		
18	M4221035	Nguyễn Hữu Phương		20/01/1989	Cần Thơ		
19	M4221036	Ngô Thanh Toàn		09/11/1987	Hậu Giang		
20	M4421001	Mai Trường Huy		05/08/1991	Sóc Trăng		
21	M4421002	Phạm Đức Huy		29/01/1996	Cần Thơ		
22	M4421003	Võ Quốc Khánh		24/09/1995	Sóc Trăng		
23	M4721001	Trần Tấn Bảo		18/03/1996	Minh Hải		
24	M4721002	Nguyễn Hữu Sang		05/11/1987	Cần Thơ		
25	M4721003	Dương Quang Thông		18/04/1989	An Giang		
26	M4721004	Nguyễn Đức Ngân	X	22/06/1988	Cần Thơ		
27	M4721005	Lê Minh Thuận		13/02/1999	Bạc Liêu		
28	M4921001	Trịnh Tường Nguyên	X	04/10/1999	Cần Thơ		
29	M4921002	Huỳnh Yến Nhi	X	22/12/1999	Cần Thơ		
30	M4921003	Võ Thị Thảo Sương	X	25/10/1999	Đồng Tháp		
31	M4921004	Lâm Cảnh Tân		19/07/1998	Cần Thơ		
32	M4921005	Phạm Hoàng Khả Tú	X	13/02/1998	Cần Thơ		
33	M4921006	Lê Quốc Việt		20/12/1999	An Giang		
34	M5021001	Trần Hoàng Diễm	X	24/11/1984	Vĩnh Long		
35	M5021002	Nguyễn Minh Nguyệt	X	22/03/1998	Cần Thơ		
36	M5021003	Nguyễn Thị Mộng Thùy	X	26/04/1995	Tiền Giang		
37	M5021004	Nguyễn Trọng Nghĩa		01/01/1991	Cà Mau		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2: .....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML606 - 4 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 204/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M1319002	Nguyễn Phượng Hằng	X	06/12/1997	Kiên Giang		
2	M1321001	Nguyễn Thị Ngọc An	X	10/09/1996	Đồng Tháp		
3	M1321002	Nguyễn Trường Duy		09/07/1998	Cần Thơ		
4	M1321003	Nguyễn Quốc Hải		29/06/1998	Cần Thơ		
5	M1321004	Lê Thị Lan	X	00/00/1990	Hậu Giang		
6	M1321005	Trần Thiện Nhân		13/12/1998	Tiền Giang		
7	M1321006	Trần Hồng Nhẫn	X	14/09/1996	Sóc Trăng		
8	M1321007	Trần Mỹ Duyên	X	15/10/1998	Vĩnh Long		
9	M1321008	Thái Ngọc Thịnh		24/07/1999	Cần Thơ		
10	M1418021	Hà Bạch Nhung	X	20/04/1988	Hậu Giang		
11	M1421001	Hồ Thị Cẩm	X	17/11/1988	Cần Thơ		
12	M1421002	Đỗ Huyền Châm	X	19/10/1994	Vĩnh Long		
13	M1421003	Phùng Bảo Châu	X	11/08/1997	Cần Thơ		
14	M1421004	Nguyễn Thị Kim Chi	X	26/12/1987	Thanh Hóa		
15	M1421005	Trương Tùng Chinh		02/11/1994	Cà Mau		
16	M1421006	Nguyễn Chung Bạch Dương	X	09/10/1989	Cần Thơ		
17	M1421007	Âu Dương Hạt		23/07/1988	Hậu Giang		
18	M1421008	Đặng Nguyễn Khánh Linh	X	06/01/1993	Cần Thơ		
19	M1421009	Võ Thị Ngọc Linh	X	12/09/1987	Hậu Giang		
20	M1421010	Nguyễn Xuân Lộc		07/02/1998	Kiên Giang		
21	M1421011	Tạ Quang Lộc		23/07/1991	Cửu Long		
22	M1421012	Nguyễn Thành Luân		20/12/1988	Sóc Trăng		
23	M1421013	Nguyễn Trúc Ly	X	14/12/1994	Cần Thơ		
24	M1421014	Võ Thị Kim Mai	X	15/08/1998	Cần Thơ		
25	M1421015	Đỗ Phương Nam		23/01/1997	Bến Tre		
26	M1421016	Kim Thạch Bích Nga	X	01/03/1992	Cần Thơ		
27	M1421017	Phạm Thị Diễm Ngân	X	01/01/1997	Cần Thơ		
28	M1421018	Nguyễn Thị Kim Ngân	X	12/12/1990	Vĩnh Long		
29	M1421019	Ngô Trấn Nghiệp		22/09/1998	Kiên Giang		
30	M1421020	Phạm Thị Ngọc Ngoan	X	03/10/1991	Hậu Giang		
31	M1421021	Huỳnh Thanh Nhật		25/06/1995	Đồng Tháp		
32	M1421022	Trần Nguyễn Minh Nhật		23/09/1991	Hậu Giang		
33	M1421023	Nguyễn Thị Hoài Phương	X	10/09/1994	Cần Thơ		
34	M1421024	Phan Thị Thúy Quyên	X	09/09/1998	An Giang		
35	M1421025	Nguyễn Thị Tâm	X	12/10/1990	Nghệ An		
36	M1421026	Quách Hồng Thái		28/02/1980	Cần Thơ		
37	M1421027	Nguyễn Nhật Thiên		24/08/1996	Cần Thơ		
38	M1421028	Lê Xuân Thiện		27/04/1995	Lâm Đồng		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M1421029	Vỏ Thị Thom	X	16/11/1996	Cần Thơ		
40	M1421030	Nguyễn Anh Thư	X	20/03/1994	Cần Thơ		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML606 - 4 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 205/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M1421031	Trần Thị Cẩm Tiên	X	17/07/1995	Cần Thơ		
2	M1421032	Võ Thành Tới		24/10/1991	Kiên Giang		
3	M1421033	Trần Như Phượng Trân	X	14/01/1993	Cần Thơ		
4	M1421034	Nguyễn Thị Huỳnh Trang	X	14/07/1992	Hậu Giang		
5	M1421035	Lê Quang Triệu		15/03/1997	Cần Thơ		
6	M1421036	Tô Kiều Trinh	X	09/08/1996	Cà Mau		
7	M1421037	Dương Thanh Tuấn		13/07/1982	Sóc Trăng		
8	M1421038	Nguyễn Thị Kim Tuyền	X	08/05/1997	An Giang		
9	M1421039	Trần Thị Bích Vân	X	01/01/1993	Đồng Tháp		
10	M1421040	Nguyễn Thế Vinh		02/10/1989	Sóc Trăng		
11	M1421041	Lương Quang Vũ		29/01/1999	Tiền Giang		
12	M1421042	Huỳnh Nguyễn Khánh Vy	X	03/09/1998	Kiên Giang		
13	M1421043	Nguyễn Đỗ Vân Vy	X	30/06/1996	Đồng Tháp		
14	M1521001	Phạm Thoại Anh	X	31/08/1993	Cần Thơ		
15	M1521002	Võ Kim Dư	X	30/12/1980	Cần Thơ		
16	M1521003	Phạm Văn Lành		15/07/1992	Đồng Tháp		
17	M1521004	Đỗ Trung Nguyên		14/09/1993	Cà Mau		
18	M1521005	Nguyễn Thị Nhả Phương	X	03/11/1998	Sóc Trăng		
19	M1521006	Quách Cẩm Tiên	X	25/02/1996	Cà Mau		
20	M1521007	Nguyễn Hoàng Tú		12/06/1997	Kiên Giang		
21	M1521008	Hồ Hoàng Duy		28/01/1999	Cần Thơ		
22	M1521009	Dư Thanh Hiếu		26/06/1995	Cần Thơ		
23	M1521010	Huỳnh Thị Ngọc Trân	X	04/03/1999	Cà Mau		
24	M1521011	Nguyễn Phan Trung		05/03/1999	Cần Thơ		
25	M1621001	Hà Khả Ái	X	13/12/1998	Kiên Giang		
26	M1621002	Nguyễn Thị Trâm Anh	X	14/12/1987	Cần Thơ		
27	M1621003	Phạm Minh Cường		16/10/1987	Bà Rịa Vũng Tàu		
28	M1621004	Lượng Văn Đảm		01/01/1989	Cà Mau		
29	M1621005	Nguyễn Thị Huỳnh Đào	X	21/08/1996	Trà Vinh		
30	M1621006	Phan Diễm Diễm	X	25/02/1993	Cần Thơ		
31	M1621007	Nguyễn Thúy Diễm	X	11/12/1984	Kiên Giang		
32	M1621008	Lê Thị Thùy Dương	X	22/11/1997	Bến Tre		
33	M1621009	Nguyễn Thị Hồng Duyên	X	27/05/1988	Thái Nguyên		
34	M1621010	Lương Thị Hồng Giang	X	23/01/1979	Thái Bình		
35	M1621011	Ngô Thiện Sơn Giang		29/03/1998	Kiên Giang		
36	M1621012	Trịnh Kim Hằng	X	20/07/1977	Cần Thơ		
37	M1621013	Võ Thế Hiện		25/10/1988	Kiên Giang		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
38	M1621014	Trương Kim Như Huỳnh	X	29/04/1998	Cần Thơ		
39	M1621015	Nguyễn Thị Diễm Kiều	X	04/04/1998	Tiền Giang		
40	M1621016	Nguyễn Thị Hoàng Kim	X	15/05/1983	Hậu Giang		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML606 - 4 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 205A/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M1621017	Huỳnh Trung Lập		12/08/1997	An Giang		
2	M1621018	Trần Lý Khánh Linh	X	12/09/1975	Cửu Long		
3	M1621019	Huỳnh Ngọc Linh	X	14/11/1995	Cần Thơ		
4	M1621020	Trương Nguyễn Thùy Linh	X	15/10/1998	Bạc Liêu		
5	M1621021	Nguyễn Phạm Duy Linh	X	27/10/1998	Cà Mau		
6	M1621022	Trương Thị Thùy Linh	X	11/02/1985	Cửu Long		
7	M1621023	Lê Khánh Linh		18/10/1995	An Giang		
8	M1621024	Nguyễn Văn Long		01/01/1987	Tiền Giang		
9	M1621025	Triệu Thị Ngọc Mai	X	01/06/1988	Sóc Trăng		
10	M1621026	Nguyễn Thị Trà My	X	09/05/1996	Đồng Tháp		
11	M1621027	Trần Thị Cẩm Nang	X	27/12/1989	Bến Tre		
12	M1621028	Phan Thị Nga	X	20/06/1982	Hà Tĩnh		
13	M1621029	Trần Minh Bảo Ngọc	X	30/11/1985	Tiền Giang		
14	M1621030	Dương Đinh Mai Thị Huỳnh Ngọc	X	15/07/1996	An Giang		
15	M1621031	Quách Bảo Ngọc	X	05/11/1992	Cần Thơ		
16	M1621032	Dương Thị Bảo Ngọc	X	02/05/1988	Sóc Trăng		
17	M1621033	Đặng Trần Hoàng Nguyên	X	22/09/1986	Cần Thơ		
18	M1621034	Đỗ Thị Thanh Nguyên	X	28/02/1997	Cần Thơ		
19	M1621035	Vũ Thị Cao Nguyên	X	06/09/1989	Kiên Giang		
20	M1621036	Ngô Thanh Nhã		26/08/1997	Cà Mau		
21	M1621037	Võ Thị Thảo Nhi	X	20/11/1997	Bạc Liêu		
22	M1621038	Nguyễn Thị Hồng Nhi	X	12/02/1991	Bến Tre		
23	M1621039	Từ Quỳnh Như	X	20/08/1995	Cà Mau		
24	M1621040	Nguyễn Ngọc Sang		10/01/1998	Cần Thơ		
25	M1621041	Hứa Thị Hồng Thắm	X	24/05/1996	Sóc Trăng		
26	M1621042	Trương Quốc Thắng		04/02/1998	Vĩnh Long		
27	M1621043	Thi Hoài Thanh		16/10/1996	Long An		
28	M1621044	Huỳnh Thị Phương Thảo	X	24/01/1985	An Giang		
29	M1621045	Tạ Phương Thịnh	X	04/08/1997	Sóc Trăng		
30	M1621046	Phạm Đức Thọ		12/11/1993	An Giang		
31	M1621047	Thạch Thị Bé Thu	X	20/05/1998	Trà Vinh		
32	M1621048	Nguyễn Thị Cẩm Thu	X	06/08/1995	Vĩnh Long		
33	M1621049	Dư Thị Thu Thủy	X	02/12/1997	An Giang		
34	M1621050	Phạm Ngọc Như Thủy	X	24/05/1989	Sóc Trăng		
35	M1621051	Lê Thị Thanh Thụy	X	13/08/1990	An Giang		
36	M1621052	Đỗ Thị Bích Thuyền	X	14/04/1999	Cà Mau		
37	M1621053	Phạm Hồng Tia	X	03/12/1998	Kiên Giang		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
38	M1621054	Hà Khôi Trâm	X	18/09/1990	Bạc Liêu		
39	M1621055	Nguyễn Thị Ngọc Trân	X	05/06/1982	Vĩnh Long		
40	M1621056	Lê Bảo Trân	X	29/11/1996	Cần Thơ		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML606 - 4 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 206/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M1621057	Trần Thị Tuyết Trang	X	22/05/1976	Kiên Giang		
2	M1621058	Trần Thị Diễm Trang	X	16/06/1991	Đồng Tháp		
3	M1621059	Trần Thảo Trang	X	30/08/1993	Cà Mau		
4	M1621060	Đào Thị Đoan Trang	X	02/05/1990	Cửu Long		
5	M1621061	Phan Thùy Trang	X	30/09/1995	Kiên Giang		
6	M1621062	Đặng Hoàng Tuấn		08/11/1994	Đồng Tháp		
7	M1621063	Huỳnh Thị Ngọc Tuyền	X	15/11/1985	An Giang		
8	M1621064	Huỳnh Nguyễn Tường Vi	X	22/05/1994	Cần Thơ		
9	M1621065	Ca Thị Tường Vy	X	13/10/1994	Bến Tre		
10	M1621066	Cam Hoàng Yến	X	03/05/1997	Cần Thơ		
11	M2321001	Huỳnh Mai Anh		26/04/1998	Cần Thơ		
12	M2321002	Huỳnh Lê Diễm Nga	X	10/10/1992	Bến Tre		
13	M2321003	Nguyễn Thị Phương Nghi	X	23/06/1998	Kiên Giang		
14	M2321004	Nguyễn Hằng Ni	X	16/02/1998	Cà Mau		
15	M2321005	Nguyễn Hiệp Anh Phương		01/11/1997	Tiền Giang		
16	M2321006	Quách Thị Phượng	X	09/02/1988	Sóc Trăng		
17	M2321007	Võ Huỳnh Nhất Tân		11/01/1998	Cần Thơ		
18	M2321008	Châu Ngọc Thảo	X	17/03/1996	TP HCM		
19	M2321009	Bùi Ngọc Anh Thư	X	12/07/1999	Cà Mau		
20	M2321010	Nguyễn Thị Anh Thư	X	22/06/1998	Vĩnh Long		
21	M2321011	Huỳnh Thị Minh Thư	X	08/04/1997	Cần Thơ		
22	M2321012	Bùi Kim Trang	X	19/09/1998	Cà Mau		
23	M2321013	Trương Huỳnh Lan Viên	X	16/10/1999	An Giang		
24	M2321014	Phan Đặng Thanh Đoan	X	02/02/1999	Sóc Trăng		
25	M2321015	Chim Thành Thái Duy		05/03/1984	Cần Thơ		
26	M2321016	Nguyễn Hoàng Kiên		28/09/1998	Bạc Liêu		
27	M2321017	Hồ Thị Ngọc Nho	X	12/01/1991	An Giang		
28	M2321018	Bùi Yến Như	X	08/12/1998	Kiên Giang		
29	M2321019	Nguyễn Thanh Phương		30/08/1997	Vĩnh Long		
30	M2321020	Võ Thị Trúc Phương	X	31/12/1989	Bến Tre		
31	M2321021	Ngô Ngọc Thảo	X	21/06/1979	Cần Thơ		
32	M2321022	Đinh Lam Trường		26/01/1999	Cần Thơ		
33	M2421001	Bùi Kiều Anh	X	17/10/1992	An Giang		
34	M2421002	Nguyễn Hoàng Chiến		13/12/1978	Cần Thơ		
35	M2421004	Nguyễn Thanh Đạt		01/01/1982	Hậu Giang		
36	M2421005	Mai Văn Đen		25/03/1980	Hậu Giang		
37	M2421006	Phan Hồ Diễm	X	08/01/1994	Hậu Giang		
38	M2421008	Bùi Thị Mỹ Duyên	X	12/10/1998	An Giang		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M2421009	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	X	24/05/1984	Kiên Giang		
40	M2421010	Trần Vinh Hiển		20/12/1979	Hậu Giang		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML606 - 4 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 207/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M2421012	Ngô Thanh Huyền	X	15/01/1985	Sóc Trăng		
2	M2421013	Phạm Duy Kha		02/08/1993	Hậu Giang		
3	M2421014	Nguyễn Đăng Khoa		01/01/1980	Kiên Giang		
4	M2421015	Huỳnh Trần Tân Khoa		26/01/1991	Hậu Giang		
5	M2421016	Trần Văn Khoa		02/06/1982	Kiên Giang		
6	M2421017	Phạm Thị Diệu Liên	X	00/00/1988	An Giang		
7	M2421018	Lê Huỳnh Trúc Linh	X	02/03/1993	An Giang		
8	M2421019	Lê Hồng Loan	X	16/09/1979	Hậu Giang		
9	M2421020	Lâm Thị Phước Lộc	X	06/10/1989	Cần Thơ		
10	M2421021	Võ Minh Luân		24/12/1986	Hậu Giang		
11	M2421022	Lê Mỹ Lý	X	10/03/1995	An Giang		
12	M2421023	Châu Quốc Mộng		10/04/1986	Hậu Giang		
13	M2421024	Phạm Thị Kiều My	X	10/11/1995	Cần Thơ		
14	M2421025	Phan Ngọc Như		25/06/1994	Cần Thơ		
15	M2421027	Nguyễn Văn Phương		09/02/1989	Hậu Giang		
16	M2421028	Huỳnh Thị Hồng Quyên	X	01/01/1986	Hậu Giang		
17	M2421029	Nguyễn Quốc Sang		25/01/1994	Hậu Giang		
18	M2421031	Nguyễn Ngọc Thảo	X	13/09/1994	Hậu Giang		
19	M2421032	Trần Thị Sô Col The	X	07/07/1987	Hậu Giang		
20	M2421033	Nguyễn Ngọc Thịnh		22/02/1990	Hậu Giang		
21	M2421034	Trần Hồng Tim	X	26/07/1978	Hậu Giang		
22	M2421035	Nguyễn Bình Trung		06/09/1982	Hậu Giang		
23	M2421036	Lê Thị Như Xuân	X	29/04/1992	Hậu Giang		
24	M2720031	Thái Thị Kim Tươi	X	04/08/1985	Vĩnh Long		
25	M2721001	Trần Minh Thúy An	X	13/02/1993	Đồng Tháp		
26	M2721002	Huỳnh Anh Đài	X	21/11/1983	Sóc Trăng		
27	M2721003	Nguyễn Khoa Đăng		01/01/1991	Vĩnh Long		
28	M2721004	Khổng Minh Hiển		29/07/1988	Hậu Giang		
29	M2721005	Phan Trần Lê Huy		17/05/1989	Kiên Giang		
30	M2721006	Đỗ Trường Khang		30/08/1997	Cần Thơ		
31	M2721007	Trần Ngọc Khoa		15/06/1994	Cần Thơ		
32	M2721008	Phan Thị Thanh Kiều	X	04/01/1991	Bến Tre		
33	M2721009	Nguyễn Bình Khánh Lam	X	15/09/1999	Cần Thơ		
34	M2721010	Phan Dương Linh		19/09/1996	Sóc Trăng		
35	M2721011	Phạm Thị Diễm Mi	X	16/09/1996	Cần Thơ		
36	M2721012	Lê Nguyễn Huệ Ngân	X	22/08/1996	Vĩnh Long		
37	M2721013	Trần Phương Nghi	X	16/06/1996	Sóc Trăng		
38	M2721014	Trầm Thị Hồng Phượng	X	13/09/1993	Tiền Giang		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M2721015	Nguyễn Cao Sơn		08/10/1998	Cần Thơ		
40	M2721016	Trần Dạ Thảo	X	19/01/1977	Cần Thơ		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML606 - 4 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 208/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M2721017	Nguyễn Lâm Hoa Thiên	X	10/10/1996	Cà Mau		
2	M2721018	Trần Ngọc Thy Thơ	X	10/01/1998	Tiền Giang		
3	M2721019	Lê Huỳnh Công Thoại		13/05/1997	Trà Vinh		
4	M2721020	Nguyễn Thị Ngọc Thu	X	27/10/1995	Cần Thơ		
5	M2721021	Võ Ngọc Trăm	X	06/04/1991	Hậu Giang		
6	M2721022	Võ ánh Trân	X	25/11/1991	Cần Thơ		
7	M2721023	Lưu Hoàng Trí		13/04/1977	Sóc Trăng		
8	M2721024	Nguyễn Quốc Tuấn		11/06/1990	Sóc Trăng		
9	M2721025	Lê Minh Tường		19/10/1999	Bến Tre		
10	M2721026	Trần Bảo Uyên	X	14/07/1996	Cần Thơ		
11	M2721027	Trần Thị Thùy Vân	X	14/03/1992	Cần Thơ		
12	M2721028	Nguyễn Thế Vinh		20/08/1999	Cà Mau		
13	M2721029	Nguyễn Ngọc Ánh	X	19/09/1982	Tiền Giang		
14	M2721030	Phạm Thị Thúy Hằng	X	29/08/1984	Vĩnh Long		
15	M2721031	Huỳnh Lan Hương	X	07/10/1999	Vĩnh Long		
16	M2721032	Nguyễn Hiếu Kiên		27/07/1991	Cần Thơ		
17	M2721033	Lê Thị Thùy Linh	X	10/05/1983	Cần Thơ		
18	M2721034	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	X	15/07/1998	Hậu Giang		
19	M2721035	Nguyễn Thị Huỳnh Như	X	25/04/1996	Cà Mau		
20	M2721036	Phan Phương Quỳnh	X	18/01/1993	Cần Thơ		
21	M2721037	Võ Bảo Siêu Việt		15/10/1989	Đồng Tháp		
22	M3221001	Trịnh Phùng Chí		04/10/1985	Sóc Trăng		
23	M3221002	Nguyễn Quốc Chiến		21/09/1997	Cần Thơ		
24	M3221003	Trần Thị Hồng Đào	X	07/04/1982	Sóc Trăng		
25	M3221004	Nguyễn Thanh Diệu	X	14/09/1983	Bến Tre		
26	M3221005	Nguyễn Doãn Hải		01/09/1985	Cửu Long		
27	M3221006	Đặng Lâm Hào		22/11/1998	Trà Vinh		
28	M3221007	Lưu Đức Hiếu		10/05/1983	Sóc Trăng		
29	M3221008	Nguyễn Văn Hiệu		02/03/1983	Nam Định		
30	M3221009	Trần Thị Huyền	X	17/11/1998	Ninh Bình		
31	M3221010	Trần Minh Khang		28/10/1987	Sóc Trăng		
32	M3221011	Hồ Vũ Khoa		12/08/1998	Hậu Giang		
33	M3221012	Nguyễn Thị Thúy Loan	X	27/11/1988	Vĩnh Long		
34	M3221013	Phạm Thị Hồng Nhi	X	02/01/1998	Cần Thơ		
35	M3221014	Hà Thị Mỹ Nhung	X	06/07/1987	Sóc Trăng		
36	M3221015	Trần Hiếu Phát		01/08/1998	Cần Thơ		
37	M3221016	Huỳnh Mỹ Phụng	X	28/05/1998	Kiên Giang		
38	M3221017	Trần Văn Quân		05/07/1983	Cà Mau		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M3221018	Đặng Hoàng Thạch		18/08/1998	Cà Mau		
40	M3221019	Nguyễn Đặng Chánh Thái		22/02/1998	Cần Thơ		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2: .....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML606 - 4 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 209/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M3221020	Nguyễn Phúc Thiên Nhật Thảo		23/07/1994	Long An		
2	M3221021	Nguyễn Minh Thạo		29/09/1982	Sóc Trăng		
3	M3221022	Tống Thành Thới		30/12/1996	Cần Thơ		
4	M3221023	Trần Thị Thanh Tuyền	X	22/07/1987	Cửu Long		
5	M3221024	Phạm Thị Hồng Vân	X	15/10/1983	Cà Mau		
6	M3221025	Trần Thị Hải Yến	X	10/10/1995	Cần Thơ		
7	M3421001	Huỳnh Dương Anh		28/12/1992	Hậu Giang		
8	M3421002	Phạm Nguyễn Minh Anh	X	18/06/1997	Cần Thơ		
9	M3421003	Lê Tuấn Anh		07/04/1996	Sóc Trăng		
10	M3421004	Nguyễn Tuấn Anh		19/10/1998	An Giang		
11	M3421005	Nguyễn Ngọc Anh	X	22/11/1997	Vĩnh Long		
12	M3421006	Thạch Thị Diễm Chi	X	25/03/1988	Sóc Trăng		
13	M3421007	Phạm Thị Hồng Chúc	X	22/12/1991	Trà Vinh		
14	M3421008	Quách Thanh Cường		01/01/1995	Sóc Trăng		
15	M3421009	Nguyễn Quang Đại		29/07/1997	Cần Thơ		
16	M3421010	Trần Ngọc Hân	X	21/10/1988	Cần Thơ		
17	M3421011	Nguyễn Ngọc Hân	X	13/10/1997	Bạc Liêu		
18	M3421012	Trần Ngọc Hân	X	16/08/1994	An Giang		
19	M3421013	Huỳnh Thị Mỹ Hằng	X	29/05/1999	Vĩnh Long		
20	M3421014	Nguyễn Ngọc Hoa	X	23/08/1989	An Giang		
21	M3421015	Đỗ Tuấn Hùng		12/10/1982	Hậu Giang		
22	M3421016	Trần Khánh Hỷ		11/07/1991	Hậu Giang		
23	M3421017	Trần Thị Mỹ Linh	X	15/01/1997	Nghệ An		
24	M3421018	Cao Thị Thùy Linh	X	21/09/1988	Tiền Giang		
25	M3421019	Nguyễn Hoàng Thủy Ngân	X	18/05/1991	Cần Thơ		
26	M3421020	Nguyễn Lê Kim Ngân	X	29/10/1999	Cần Thơ		
27	M3421021	Nguyễn Hồng Ngọc	X	20/02/1995	Cần Thơ		
28	M3421022	Lê Dương Minh Ngọc	X	03/01/1988	Vĩnh Long		
29	M3421023	Trần Nguyên Ngọc	X	19/04/1997	Vĩnh Long		
30	M3421024	Nguyễn Phúc Gia Nguyên	X	29/09/1999	Cà Mau		
31	M3421025	Hồ Văn Nhân		05/09/1997	Bến Tre		
32	M3421026	Đinh Hồng Nhận	X	10/06/1984	Cà Mau		
33	M3421027	Lương Quỳnh Như	X	01/01/1997	Cần Thơ		
34	M3421028	Nguyễn Thị Diệu Ni	X	19/05/1991	Cần Thơ		
35	M3421030	Bùi Phương Quyền		00/00/1984	An Giang		
36	M3421031	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	X	06/10/1994	Cần Thơ		
37	M3421032	Nguyễn Bé Thơ	X	10/06/1992	Cà Mau		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
38	M3421033	Nguyễn Bé Thoại	X	21/08/1995	Cà Mau		
39	M3421034	Lê Thị Bé Thu	X	01/01/1985	Đồng Tháp		
40	M3421035	Phạm Huỳnh Trang	X	26/09/1988	Cà Mau		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML606 - 4 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 210/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M3421036	Lê Trần Huyền Trang	X	11/10/1992	Cần Thơ		
2	M3421037	Nguyễn Văn Trường		05/02/1998	Vĩnh Long		
3	M3421038	Nguyễn Thị Tú	X	10/04/1999	Bạc Liêu		
4	M3421039	Nguyễn Quí Tường		02/08/1996	Cà Mau		
5	M3421040	Phan Thị Kim Tuyền	X	20/07/1987	Bến Tre		
6	M3421041	Danh ánh Tuyết	X	28/03/1994	Sóc Trăng		
7	M3421042	Dương Minh Út		25/07/1982	Cà Mau		
8	M3421043	Phạm Thị Kiều Vân	X	28/11/1999	Vĩnh Long		
9	M3421044	Nguyễn Hoàng Vẹn		04/03/1992	Trà Vinh		
10	M3421045	Huỳnh Ngọc Xuân		03/02/1991	Cần Thơ		
11	M3421046	Phạm Thị Như Ý	X	14/09/1995	Bạc Liêu		
12	M4021001	Nguyễn Ngọc Khải		00/00/1991	Hậu Giang		
13	M4021002	Nguyễn Anh Khoa		00/00/1990	Tiền Giang		
14	M4021003	Nguyễn Thanh Nhã		09/06/1999	An Giang		
15	M4021004	Lâm Thị Cẩm Tiên	X	20/11/1995	Trà Vinh		
16	M4021005	Nguyễn Hoàng Minh Trí		17/05/1998	An Giang		
17	M4021006	Đặng Hồng Hạnh	X	26/06/1998	Cần Thơ		
18	M4021007	Nguyễn Minh Tiến		14/12/1992	Cần Thơ		
19	M4521001	Huỳnh Vũ Anh		14/07/1998	Vĩnh Long		
20	M4521003	Trần Trung Bá		03/06/1978	Sóc Trăng		
21	M4521004	Lã Hoàng Đạt		01/12/1993	Cần Thơ		
22	M4521005	Nguyễn Ngọc Hân	X	00/00/1996	Long An		
23	M4521006	Trần Trang Diệu Hiền	X	31/12/1989	Cần Thơ		
24	M4521007	Vạng Trung Hiếu		12/02/1992	Vĩnh Long		
25	M4521008	Nguyễn Chí Hiếu		19/05/1980	Cần Thơ		
26	M4521009	Huỳnh Trung Hòa		00/00/1976	Bến Tre		
27	M4521010	Đỗ Khắc Huy		28/05/1994	Đồng Tháp		
28	M4521011	Nguyễn Ngọc Anh Kiệt		28/03/1998	Cần Thơ		
29	M4521012	Bùi Phương Loan	X	12/07/1992	Cần Thơ		
30	M4521013	Nguyễn Thị Diễm Mi	X	09/11/1992	Cà Mau		
31	M4521014	Trần Tiến Minh		05/04/1998	Bạc Liêu		
32	M4521015	Trần Chiêm Tuệ Ngân	X	16/10/1997	Cần Thơ		
33	M4521016	Nguyễn Thúy Ngoan	X	25/04/1988	Sóc Trăng		
34	M4521017	Phạm Nguyễn Hồng Nguyên		04/01/1986	Cần Thơ		
35	M4521018	Nguyễn Hạnh Nhân	X	10/08/1989	Cà Mau		
36	M4521019	Nguyễn Hoàng Nhân		13/09/1996	An Giang		
37	M4521020	Nguyễn Thanh Nhanh		24/03/1988	Sóc Trăng		
38	M4521021	Trương Hoàng Nhật		01/07/1980	Sóc Trăng		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M4521022	Đỗ Thị Anh Phương	X	31/10/1978	Đồng Tháp		
40	M4521023	Phạm Thị Quyên	X	25/06/1988	Kiên Giang		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2: .....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TRIẾT HỌC
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÃ HỌC PHẦN: ML606 - 4 TÍN CHỈ
Ngày thi: 20/3/2022 - Phòng thi: 211/B1

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
1	M4521024	Nguyễn Phan Như Quỳnh	X	24/11/1998	Cần Thơ		
2	M4521025	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	X	19/11/1994	Sóc Trăng		
3	M4521026	Bùi Phương Thảo	X	17/12/1999	Cần Thơ		
4	M4521028	Nguyễn Thị Huyền Trang	X	28/02/1992	Cần Thơ		
5	M4521029	Nguyễn Hữu Truyện		20/05/1992	Sóc Trăng		
6	M4521030	Phùng Xuân Lan	X	30/05/1996	Cần Thơ		
7	M4521031	Lê Thành Nghĩa		10/08/1986	Tiền Giang		
8	M4521032	Võ Thị Thủy Tiên	X	10/05/1999	Đồng Tháp		
9	M4521033	Phạm Thị Bội Tuyền	X	22/06/1998	Bạc Liêu		
10	M4521034	Trịnh Hoàng Nhật Vy	X	02/04/1994	Cần Thơ		
11	M4820020	Bùi Thị Bé Sang	X	04/04/1988	Vĩnh Long		
12	M4821001	Hồ Huỳnh Anh Chiêu		18/11/1983	Cần Thơ		
13	M4821002	Nguyễn Thị Kim Cương	X	15/01/1996	Bạc Liêu		
14	M4821003	Trần Ngọc Đạt		19/01/1979	Cần Thơ		
15	M4821005	Nguyễn Phi Giao	X	01/09/1989	Cần Thơ		
16	M4821006	Nguyễn Thúy Hằng	X	16/08/1997	Cà Mau		
17	M4821007	Nguyễn Phước Thư Hương	X	29/09/1986	Kiên Giang		
18	M4821008	Lý Phượng Khánh	X	18/04/1988	Cần Thơ		
19	M4821009	Phạm Đoàn An Khương		15/09/1989	Vĩnh Long		
20	M4821010	Đoàn Hải Lam		06/02/1997	An Giang		
21	M4821011	Lạc Thị Huệ Lan	X	15/02/1977	Vĩnh Long		
22	M4821012	Trịnh Thị Thanh Loan	X	20/05/1977	Hà Tĩnh		
23	M4821013	Cù Dạ Lý	X	01/06/1998	Hậu Giang		
24	M4821014	Nguyễn Thị Phương Mai	X	26/11/1992	Bến Tre		
25	M4821015	Nguyễn Nhật Minh		19/09/1992	Cần Thơ		
26	M4821016	Nguyễn Thị Diễm My	X	13/04/1995	Bạc Liêu		
27	M4821019	Nguyễn Thanh Tâm		12/09/1989	An Giang		
28	M4821020	Nguyễn Ngọc Trang Thư	X	12/09/1997	Bạc Liêu		
29	M4821021	Nguyễn Lê Anh Thư	X	10/08/1997	Vĩnh Long		
30	M4821022	Võ Diễm Thúy	X	17/08/1989	Bạc Liêu		
31	M4821023	Nguyễn Thị Mộng Thùy	X	16/02/1987	Cần Thơ		
32	M4821024	Cốm Minh Tiến		25/08/1984	Trà Vinh		
33	M4821026	Trương Quỳnh Trang	X	24/02/1988	Vĩnh Long		
34	M4821027	Nguyễn Thị Như Trang	X	16/11/1988	Cần Thơ		
35	M4821028	Trần Xuân Trang	X	23/09/1994	Cần Thơ		
36	M4821029	Nguyễn Việt Trinh	X	11/10/1993	Sóc Trăng		
37	M4821030	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	X	18/04/1993	Vĩnh Long		
38	M4821031	Phạm Đăng Truyền		25/10/1997	Tiền Giang		

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên
39	M4821032	Ngô Thị Mộng Tuyền	X	25/12/1998	Trà Vinh		
40	M4821033	Trần Văn Út		09/05/1988	Trà Vinh		
41	M4821034	Lâm Thị Thanh Uyên	X	30/07/1979	Cần Thơ		
42	M4821035	Võ Vi Vân	X	08/02/1979	Hậu Giang		

Tổng số thí sinh có mặt: .....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 1:.....

Họ tên và chữ ký CB coi thi 2:.....